

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 – CẦN THƠ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 525/2026/DS-ST

Ngày: 25 – 7 – 2026

“V/v tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thái Minh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Kim Son.

2. Ông Lý Văn Til.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Võ Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Mỹ Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 577/2026/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026 về việc *“Tranh chấp đòi lại tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 967/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 690/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1964. Có mặt

Đăng ký thường trú: Số A Đ Khu dân cư M, phường T, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: Viện lúa ĐBSCL, ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà Trương Thị T1, sinh năm 1962. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Bà và bà Trương Thị T1 là hàng xóm cùng ở Viện lúa nên rất thân thiết. Lợi dụng mối quan hệ này, bà T1 nhiều lần mượn tiền của bà. Để tạo lòng tin, bà T1 đã

nhiều lần mượn rồi trả cho bà. Sau đó, bà T1 hỏi mượn tiền hoặc vàng của bà để bà Thu mua nhà chung cư S cho con trai để khỏi thuê nhà nhà trọ và mua xe tải cho con trai chạy Bắc Nam làm ăn. Lúc đầu bà không đồng ý nhưng bà T1 thuyết phục ngọt ngào và hứa chỉ mượn ít ngày, chậm nhất là 02 tháng sẽ trả. Bà T1 còn hứa sẽ bán đất ở ngoài Bắc để trả cho bà nên bà tin tưởng cho bà T1 mượn tổng cộng 10,5 chỉ vàng 24k, cụ thể:

Ngày 27/9/2013, mượn 1,5 chỉ vàng 24k

Ngày 24/10/2019, mượn 04 chỉ vàng 24k

Ngày 19/02/2020, mượn 05 chỉ vàng 24k

Bà T1 hứa sẽ không để bà thiệt thòi, hứa sẽ trả gốc và lãi 2.5%/tháng cho bà. Nhưng đến nay bà T1 vẫn không trả số vàng đã mượn cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà T1 trả cho bà 10,5 chỉ vàng 24k (giá trị tạm tính là 160.800.000đồng).

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn bà Trương Thị T1 trả cho nguyên đơn số tiền 15.000.000đồng và 6.5 chỉ vàng 24k, không yêu cầu tính lãi.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Trương Thị T1 không có văn bản gửi Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Riêng bị đơn bà Trương Thị T1 vi phạm nghĩa vụ có mặt theo triệu tập của Tòa án. Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, việc xác định tư cách tố tụng là phù hợp. Vụ án đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị T đối với bị đơn bà Trương Thị Thu . Buộc bà Trương Thị T1 trả cho bà Đặng Thị T số tiền 15.000.000đồng và 6.5 chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Trương Thị T1 đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 14/4/2026 và các tài liệu, chứng cứ có liên quan xác định đây là loại kiện “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các giấy mượn tiền mà nguyên đơn đã cung cấp trong hồ sơ vụ án, thể hiện bị đơn có mượn của nguyên đơn số tiền 15.000.000đồng và 6.5 chỉ vàng 24k (giấy mượn tiền ngày 27/7/2013 mượn 1.5 chỉ vàng, giấy mượn tiền ngày 24/10/2019 mượn 15.000.000đồng, giấy mượn tiền ngày 19/10/2020 mượn 05 chỉ vàng). Tại giấy mượn tiền ngày 24/10/2019 thể hiện bà T1 có mượn bà T 15.000.000đồng (tương đương 4 chỉ vàng). Quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu bà T1 trả 10.5 chỉ vàng 24k (trong đó có 4 chỉ vàng được quy ra tương đương từ số tiền 15.000.000đồng tại giấy mượn tiền ngày 24/10/2019). Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T thừa nhận nội dung (tương đương 4 chỉ vàng) trong giấy mượn tiền ngày 24/10/2019 là do bà T ghi thêm sau khi thỏa thuận với bà T1, bà T thống nhất đổi giấy mượn tiền ngày 24/10/2019 chỉ yêu cầu bà T1 trả lại cho bà số tiền 15.000.000đồng. Tổng cộng yêu cầu bà T1 trả cho bà 15.000.000đồng và 6.5 chỉ vàng 24k, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bà T1 không thực hiện theo thỏa thuận, không trả lại đầy đủ số tiền và vàng đã mượn của bà T đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, bà T yêu cầu bà T1 trả lại số tiền 15.000.000đồng và 6.5 chỉ vàng 24k là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bà T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình tố tụng, bà T1 không đến Tòa án để tự khai, đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình, không cung cấp các chứng cứ có

liên quan để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị T đối với bị đơn bà Trương Thị Thu .

Xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Cần Thơ là thống nhất với quan điểm của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn bà Trương Thị T1, sinh năm 1962 tính đến thời điểm xét xử vụ án là trên 60 tuổi, thuộc trường hợp là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà T1 vắng mặt, không có đơn xin miễn án phí nên không đủ điều kiện được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó, bị đơn bà Trương Thị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật với số tiền 15.000.000đồng và 6.5 chỉ vàng 24k (Tương đương số tiền 88.530.000đồng - theo giá vàng nhẫn SJC ngày 25/7/2026).

Nguyên đơn được miễn tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên không xem xét, giải quyết tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, Điều 95, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Điều 166, Điều 280, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trương Thị T1 trả cho bà Đặng Thị T số tiền 15.000.000đồng và 6.5 chỉ vàng 24k.

Đối với số tiền 15.000.000đồng, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trương Thị T1 phải chịu 5.176.500đồng.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTPCT;
- VKSNDKV3-CT;
- Phòng THADSKV3-CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thái Minh Ngọc